

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ XUÂN
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 173/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 05 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ XUÂN, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Như Thuần.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Trọng Minh Thông;

2. Bà Trần Thị Ngọc Quyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Xuân, thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Xuân, thành phố Huế tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Xuân, thành phố H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 831/2024/TLST- HNGĐ ngày 01/10/2024 về việc “Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Kim Thủy N, sinh năm 2003; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, thành phố H; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Ngô Minh T, sinh năm 2001; Địa chỉ: Tổ H, khu V, phường A, quận P, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2024 và các tài liệu, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Kim Thủy N trình bày:

Chị và anh Ngô Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường A, quận P, thành phố H) vào ngày 28/10/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại địa chỉ: Tổ H, khu V, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường A, quận P, thành phố H) được khoảng 02 tháng thì nảy sinh mâu thuẫn. Lý do là anh T công khai quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, gia đình hai bên đều

biết và có khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Chị N và anh T đều không có công việc và thu nhập ổn định dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau; anh T bản tính nóng nảy, bạo lực, nhiều lần đánh chị N, kể cả thời điểm chị đang mang thai phải nhập viện. Chị N nhiều lần bỏ về nhà ngoại rồi quay lại chung sống với anh T nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn. Từ tháng 3/2024, chị N về nhà bố mẹ ruột sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Minh T.

Về con chung: Chị N trình bày vợ chồng có 01 người con chung là cháu Ngô Hồ Bảo N1, sinh ngày 16/02/2023. Hiện nay cháu N1 đang ở với chị N, vì cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nên chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Ngô Minh T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con như đã trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Hồ Kim Thùy N được ly hôn với anh Ngô Minh T. Về con chung: Giao cháu Ngô Hồ Bảo N1, sinh ngày 16/02/2023 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không có yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị **Hồ Kim Thủy N** khởi kiện ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con với bị đơn anh **Ngô Minh T**. **Anh T1** có địa chỉ cư trú tại **phường A, quận P, thành phố H**. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Phú Xuân thụ lý để giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hồ Kim Thủy N** và anh **Ngô Minh T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường A, quận P, thành phố H) vào ngày 28/10/2022. Thời điểm đăng ký kết hôn có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị **Hồ Kim Thủy N**: Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị **N** yêu cầu ly hôn với anh **T** với lý do anh **T** có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng cũng thường xuyên mâu thuẫn do áp lực kinh tế và bạo lực gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh **Ngô Minh T** từ chối nhận văn bản tố tụng, không có ý kiến phản hồi; chứng tỏ anh **T** có ý thức bỏ mặc quan hệ hôn nhân của vợ chồng, không có thiện chí để hàn gắn quan hệ tình cảm. Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng chị **N** và anh **T** đã sống ly thân từ tháng 3/2024 cho đến nay. Như vậy, cuộc hôn nhân giữa chị **N** và anh **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị **Hồ Kim Thủy N** đối với anh **Ngô Minh T**.

[2.3] Về con chung: Chị **Hồ Kim Thủy N** và anh **Ngô Minh T** có 01 người con chung là cháu **Ngô Hồ Bảo N1**, sinh ngày 16/02/2023. Xét thấy cháu **N1** dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ; để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, ổn định tâm lý của cháu, cần chấp nhận yêu cầu của chị **N**, giao cháu **N1** cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về hôn nhân: Cho chị **Hồ Kim Thủy N** được ly hôn với anh **Ngô Minh T**. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị **Hồ Kim Thủy N** và anh **Ngô Minh T** có 01 con chung là cháu **Ngô Hồ Bảo N1**, sinh ngày 16/02/2023.

Giao cháu **Ngô Hồ Bảo N1** cho chị **Hồ Kim Thủy N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu **N1** đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị **Hồ Kim Thủy N** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004770 ngày 01/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị **N** đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND quận Phú Xuân;
- Chi cục THADS quận Phú Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA; Tòa DS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Như Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Như T2